TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **41**/2023/DS-ST
Ngày: 07 - 4 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Tùng Mận và ông Trần Văn Nghị

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 419/2022/TLST- DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXX-DSST ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S . (viết tắt Ngân hàng).

Địa chỉ: Số 266-268 đường N, phường V, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Ngọc D

Địa chỉ: Số 367 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Trần Bùi Ngọc T

Địa chỉ: Số 40/2 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Ngọc D trình bày:

Ngày 16/11/2016 bà Trần Bùi Ngọc T có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S – Phòng giao dịch B hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cùng bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Trần Bùi Ngọc T , Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Trần Bùi Ngọc T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền vốn gốc là 19.677.428 đồng. Tính đến ngày 15/02/2023 bà T còn nợ ngân hàng số tiền 19.677.428 đồng nợ gốc; lãi quá hạn: 14.474.484 đồng. Ngân hàng đã nhắc nhở và yêu cầu bà T trả nợ nhưng vẫn cố tình không trả là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và đã quá hạn từ ngày 01/9/2021 đến nay. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc 19.677.428 đồng và lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 07/4/2023 là 15.779.115 đồng và lãi suất theo hợp đồng cho đến khi trả hết nợ; Theo ý kiến của bà T xin trả dần 300.000đồng/tháng thì ngân hàng không đồng ý.

2. Tại đơn trình bày (BL 27) bà Trần Bùi Ngọc T trình bày:

Tôi xác nhận có vay Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh Đắk Lắk - PGD Buôn Ma Thuột thông qua hình thức thẻ tín dụng, tính đến ngày 05/12/2022 tôi còn nợ của ngân hàng số tiền gốc 19.677.428 đồng và lãi suất phát sinh là 12.632.652 đồng. Do làm ăn kinh tế khó khăn nên tôi không trả nợ đúng hạn cho ngân hàng, nay tôi xin trả góp 300.000đồng/tháng cho ngân hàng. Do công việc kinh doanh bận rộn, tôi không lên Tòa án được nên kính mong Tòa án xét xử vắng mặt tôi.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký, đại diện của nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ 35.456.543 đồng và bị đơn tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ; Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm; Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả tiền nợ theo hợp đồng tín dụng được ký kết nên xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự đã có đủ căn cứ chứng minh được rằng: Ngày 16/11/2016 bà Trần Bùi Ngọc T có ký với Sacombank – Phòng giao dịch B hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng hạn mức là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Bà Trần Bùi Ngọc T đã thực hiện các giao dịch rút tổng số tiền gốc là 19.677.428 đồng nhưng chưa thanh toán hết cho ngân hàng số tiền nợ, ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 01/9/2021. Đến nay bà T vẫn chưa trả số tiền gốc trên và lãi suất tạm tính đến ngày 07/4/2023 là 15.779.115 đồng cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Bà T thừa nhận nợ của ngân hàng nhưng xin trả dần 300.000đồng/tháng nhưng ngân hàng không đồng ý. Vì vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền gốc trên và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4]. Về án phí: Bà Trần Bùi Ngọc T phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; Điều 228, Điều 238; Điều 266, Điều 267, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

-Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S

1. Buộc bà Trần Bùi Ngọc T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ là 35.456.543 đồng (Ba mươi lăm triệu, bốn trăm năm mươi sáu ngàn, năm trăm bốn mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là 19.677.428 đồng và tiền lãi suất tạm tính đến ngày 07/4/2023 là 15.779.115đồng. Kể từ ngày 08/4/2023 bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/11/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2.Về án phí: Bà Trần Bùi Ngọc T phải chịu 1.773.000 đồng (làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí là 687.000 đồng do ông Lê Ngọc D đã nộp theo biên lai số 0021120 ngày 05/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột.

3.Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày

niêm yết bản án.

Trường hợp bản bán được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Mai